Mẫu số 40-DS Ban hành theo NQ số 01/2017/NQ-HĐTP

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
NGHỆ AN
Số: 63/2020/QĐST - HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Quỳ Châu, ngày 30 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Hà Văn L**. Sinh năm: 1991.

Trú tại: Bản NP, xã CN, huyện QC, tỉnh NA.

Bị đơn: Chị **Lê Thị V**. Sinh năm: 1994.

Trú tại: Bản NP, xã CN, huyện QC, tỉnh NA.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn L và chị Lê Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về tình cảm**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn L và chị Lê Thị V.

* **Về con cái**:

- Giao con chung là Hà Trung A, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2017 cho anh Hà Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành.

- Chị Lê Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hà Văn L mỗi tháng 500.000^{đ} (Năm trăm nghìn đồng), thi hành kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

- Chị Lê Thị V có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* **Về án phí**:

- Anh Hà Văn L phải chịu 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) mà anh L đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện QC theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001703 ngày 21 tháng 9 năm 2020. Anh L đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Hà Văn L số tiền 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chị Lê Thị V phải chịu 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện QC;
- Chi cục THADS huyện QC;
- Phòng GĐKT&THAHS-TAND tỉnh NA;
- UBND xã CN, huyện QC, tỉnh NA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Văn Dũng